

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 21/2018/DS - ST

Ngày: 19/11/2018

“Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vi Văn V - Sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N – Xã K – Huyện LN - Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn L - Sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X– Xã B – Huyện LN - Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị N - Sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N – Xã K – Huyện LN - Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2018, bản tự khai, lời khai của ông Vi Văn V trình bày:

Ông có cho ông Hoàng Văn L vay tổng số tiền 115.000.000 đồng. Cụ thể lần 1 vào ngày 16/12/2013 ông cho ông L vay 55.000.000 đồng. Lần 2 vào ngày 5/5/2014 ông cho ông L vay 60.000.000 đồng. Cả hai lần vay ông đều là người cho vay, ông L là người trực tiếp nhận tiền, hai bên có làm giấy biên nhận nợ, khoản vay 55.000.000 đồng ông L hẹn đến một năm sau thì trả, khoản vay

60.000.000 đồng ông L hẹn cuối tháng 12/2014 thì trả ông. Vì là chỗ quen biết nên hai bên không thỏa thuận tính lãi. Sau đó đến tháng 11/2014 ông L trả cho ông được cho ông được 85.000.000 đồng, còn lại số tiền 30.000.000 đồng từ đó đến nay mặc dù ông đòi nhiều lần nhưng ông L khất lần không thanh toán cho ông. Ông xác định ông chỉ biết cho ông L vay tiền còn vợ ông L không biết, đây là khoản nợ riêng giữa ông và ông L.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông L phải trả cho ông số tiền còn nợ ông là 30.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 21/8/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn L bày:

Ông có vay tổng số tiền 115.000.000 đồng của ông Vi Văn V, lần 1 vào ngày 16/12/2013 ông vay 55.000.000 đồng. Lần 2 vào ngày 05/5/2014 ông vay 60.000.000 đồng. Cả hai lần vay ông đều là người trực tiếp nhận tiền, sau đó hai bên có làm giấy biên nhận nợ, khoản vay 55.000.000 đồng ông hẹn đến một năm sau thì trả, khoản vay 60.000.000 đồng ông hẹn cuối tháng 12/2014 thì trả ông V. Vì là chỗ quen biết nên hai bên không thỏa thuận tính lãi. Sau đó đến tháng 11/2014 ông có trả cho ông V được 85.000.000 đồng, còn lại số tiền 30.000.000 đồng từ đó đến nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông vẫn chưa trả được ông V. Ông xác định đây là khoản nợ riêng của ông, khi vay về để sử dụng việc riêng của ông vợ ông không liên quan và không biết. Nay ông V đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông phải trả số tiền còn nợ ông là 30.000.000 đồng ông đồng ý. Nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn ông chưa trả ngay được.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ng trình bày: Việc vay tiền giữa ông Vi Văn V (chồng bà) và ông Hoàng Văn L bà có được biết. Ông V cho ông L vay tiền làm 2 lần với tổng số tiền là 115.000.000 đồng, hai bên có làm giấy biên nhận nợ nhưng không tính lãi, số tiền trên là tiền tiết kiệm của gia đình bà. Cả hai lần vay trên ông V là người trực tiếp cho ông L vay tiền bà đều đồng ý và chứng kiến. Khi cho vay ông V và bà chỉ biết cho ông L vay tiền còn vợ ông L bà không biết. Sau đó ông V có trả được cho vợ chồng bà số tiền 85.000.000 đồng vào tháng 12/2014 còn lại 30.000.000 đồng từ đó đến nay ông bà có đòi nhiều lần nhưng ông L không trả. Nay bà cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông L phải trả cho vợ chồng bà số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay ông Vi Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn L phải thanh toán cho ông số tiền còn nợ là 30.00.000 đồng. Bà Ng cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V. Ông Hoàng Văn L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn V.

Áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử : Buộc ông Hoàng Văn L phải trả cho ông Vi Văn V số tiền 30.000.000 đồng.

Miễn án phí cho ông Hoàng Văn L. Hoàn trả ông Vi Văn V số tiền tạm ứng án phí mà ông V đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 16/12/2013 ông Hoàng Văn L có vay của ông Vi Văn V số tiền 55.000.000 đồng và ngày 05/5/2014 ông cho ông L vay tiếp số tiền 60.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy biên nhận nợ. Đến thời hạn thanh Toán (Tháng 11/2014) ông L trả cho ông V được số tiền 85.000.000 đồng, còn lại số tiền 30.000.000 ông V đã đòi nhiều lần nhưng ông L không trả được nợ. Nên ông V khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết về quan hệ vay nợ với ông L. Như vậy mặc dù việc nợ tiền giữa ông V và ông L xuất phát quan hệ pháp luật là vay tài sản, tuy nhiên trong thời hiệu khởi kiện ông Vi Văn V không khởi kiện, đến khi hết thời hiệu khởi kiện ông V mới khởi kiện, do vậy quan hệ tranh chấp là kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Vi Văn V và ông Hoàng Văn L thì thấy: Việc vay mượn đã được ông Vi Văn V và ông Hoàng Văn L có ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, khi ký kết không bị ai ép buộc gì vì vậy hợp đồng vay tài sản giữa ông V và ông L ngày 16/12/2013 và ngày 5/5/2014 là đúng sự

thật và hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật, tuy nhiên hết thời hiệu khởi kiện ông V mới khởi kiện, nên cần áp dụng quan hệ kiện đòi tài sản để bảo vệ quyền sở hữu của ông V.

[3] Xét yêu cầu, lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy.

Căn cứ vào giấy vay nợ ngày 16/12/2013 ông L có vay của ông Vi Văn V số tiền 55.000.000 đồng, ngày 05/5/2014 ông L vay tiếp số tiền 60.000.000 đồng. Hai bên có hẹn thời hạn trả, đến thời hạn thanh toán (Tháng 11/2014) ông L đã trả được cho ông V số tiền 85.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng đến nay chưa trả được cho ông V. Nay ông Vi Văn V đề nghị Tòa án buộc ông L phải trả ông số tiền 30.000.000 đồng còn nợ. Bà Ng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V. Ông L thừa nhận có vay nợ của ông V, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V, ông đồng ý trả ông V số tiền còn nợ lại là 30.000.000 đồng nhưng ông chưa trả ngay được. Ông V, bà Ng và ông L đều xác nhận việc vay nợ giữa ông V và ông L là khoản nợ riêng không liên quan gì đến vợ ông L. Do vậy giấy vay nợ 16/12/2013 ký kết giữa ông V và ông L là hợp pháp, tuy nhiên hết thời hiệu khởi kiện ông V mới khởi kiện để đòi tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, nên cần chấp yêu cầu khởi kiện của ông V đối với ông L. Buộc ông Hoàng Văn L phải trả cho ông Vi Văn V số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

[4] Về án phí: Đơn khởi kiện của ông Vi Văn V được chấp nhận, nên cần hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Ông Hoàng Văn L là người cao tuổi, nên cần miễn án phí cho ông Hoàng Văn L.

**** Vì các lẽ trên:***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 256 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn V: Buộc ông Hoàng Văn L phải có trách nhiệm trả cho ông Vi Văn V số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Về án phí: Miễn án phí cho ông Hoàng Văn L. Hoàn trả lại ông Vi Văn V số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/ 0005034 ngày 15/8/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

- Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Thế